

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

[ĐẤT NƯỚC HỌC TRUNG QUỐC]

Mã học phần: CHC32021– Số tín chỉ: 02

Dùng cho ngành: Ngôn ngữ Anh

Chuyên ngành: Anh-Trung

Điều kiện tiên quyết: Tổng hợp tiếng Trung 2

Hình thức đào tạo: Trực tiếp/trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ

1. Thông tin chung về học phần

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe tốt và khả năng thích ứng cao để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động và nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước.

Học phần góp phần đạt chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, C4 của CCĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh-Trung trường Đại học QL và CN Hải Phòng.

Học phần Đất nước học Trung Quốc nhằm giúp người học:

- G1: Người học hiểu và trình bày được những kiến thức về địa lý, khí hậu, tài nguyên, lịch sử, dân số, dân tộc, văn tự, kinh tế, khoa học kỹ thuật, tư tưởng chính trị, văn hóa nghệ thuật, phong tục tập quán, du lịch của Trung Quốc... bằng tiếng Trung Quốc.

- G2: Trên cơ sở những kiến thức cơ bản được học, người học tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức cho mình hoặc tiến hành đối chiếu so sánh giữa Trung Quốc và Việt Nam.

- G3: Người học có khả năng tư duy độc lập, khả năng hợp tác, khả năng thuyết trình, khả năng làm việc nhóm, khả năng tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin liên quan đến học phần thông qua việc tự đọc sách, tự nghiên cứu tài liệu.

- G4: Vận dụng tốt bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết, biết cách thuyết trình các nội dung liên quan đến nội dung của học phần

- G5: Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.

- G6: Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề.

- G7: Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.

2. Chữ viết tắt: G= mục tiêu; a=CĐR kiến thức; b=CĐR kỹ năng; c=CĐR năng lực tự chủ; TL: Tự luận; TN: Trắc nghiệm

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc sau khi học xong học phần Đất nước học Trung Quốc phải đạt những tiêu chuẩn sau:

3.1 Kiến thức

- a1: Có kiến thức tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 4 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc ở cả 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết.

- a2: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản về đất nước Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức vào các học phần chuyên ngành khác; Có năng lực chuyên môn, sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc để ứng phó, giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu viên,... có liên quan đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn.

- a3: Biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học

tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.

3.2 Kỹ năng

- b1: Sử dụng thành thạo cả bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết tiếng Trung Quốc tương đương trình độ HSK cấp 4

- b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...

- b3: Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp.

- b4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.

3.3 Phẩm chất, thái độ

- c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.

- c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.

- c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.

- c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Giáo trình chính

[4.1.1]. Tài liệu do Bộ môn biên soạn (lưu hành nội bộ)

4.2. Tài liệu tham khảo

[4.2.1] 王衍军,《中国民俗文化》,暨南大学出版社,2011年出版

[4.2.2] 张英、金舒年,《中国传统文化与现代生活》,北京大学出版社,2003年出版

5. Nội dung kế hoạch dạy học

Thời lượng: 45 tiết

Thời lượng	Nội dung	PPDH và PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu	Phương pháp KTĐGTX và KTĐG việc tự học của sinh viên	KQ cần đạt
05 tiết	第一课: 中国的国土与资源 1.地理 2.气候 3.资源 4.行政区划	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học thuyết trình và trực quan về vị trí địa lý, khí hậu, tài nguyên (sử dụng slide trình chiếu); - Dạy học thảo luận nhóm với kỹ thuật khăn trải bàn. Yêu cầu sinh viên nghiên cứu tài liệu và trình bày về cách phân chia các khu vực hành chính của Trung Quốc, đặc điểm nổi bật của 4 thành phố trực thuộc Trung ương, 5 khu tự trị, 2 đặc khu kinh tế... - Thuyết trình nhận định về kết quả làm việc của sinh viên và tổng kết kết quả. - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và phân tích được đặc điểm địa lý, khí hậu, tài nguyên, phân khu hành chính của Trung Quốc. - Phân tích được những điểm mạnh và điểm yếu về điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế xã hội của người Trung Quốc.
05 tiết	第二课: 中国的历史 1.古代史 2.近代史 3.现代史 4.当代史	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phương pháp phỏng vấn nhanh để nắm được sơ bộ những hiểu biết của sinh viên về lịch sử của Trung Quốc; - Dạy học thuyết trình có minh họa (sử dụng slide, hình ảnh, video): trình bày đặc điểm các giai đoạn lịch sử của Trung Quốc; - Dạy học thảo luận nhóm: yêu cầu sinh viên sơ đồ hoá lịch sử Trung Quốc (thời gian, đặc điểm nổi bật, nhân vật đại diện...); cử đại diện nhóm trình bày; giảng viên nhận xét, đánh giá. - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các sự kiện lớn xảy ra trong các triều đại của Trung Quốc; - Phân tích được ý nghĩa của các cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử Trung Quốc.

03 tiết	<p>第三课: 中国的政治制度</p> <p>1. 政治体制 2. 政府机构 3. 司法制度</p>	<p>- Dạy học thuyết trình có minh họa: trình bày về đặc điểm thể chế chính trị, cơ cấu tổ chức chính quyền và chế độ tư pháp của Trung Quốc; - Phương pháp hỏi chuyên gia: chỉ định một sinh viên có kiến thức chuyên sâu về nội dung bài học, dưới sự hướng dẫn của giảng viên tìm hiểu các thông tin liên quan đến bài học trước khi lên lớp; sinh viên trong lớp đặt câu hỏi trực tiếp hoặc viết ra giấy ghim lên bảng, sinh viên đóng vai chuyên gia trả lời các câu hỏi. Giảng viên tổng kết ngắn gọn, khái quát lại các câu hỏi và câu trả lời.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>- Trình bày được đặc điểm của chế độ đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, cơ quan hành chính, cơ quan quyền lực các cấp; - Phân tích được chính sách – một nước hai chế độ; So sánh được cơ cấu chính trị của Trung Quốc và Việt Nam.</p>
04 tiết	<p>第四课 中国人口、民族与语言文字</p> <p>1. 中国人口 2. 中国民族 3. 普通话、方言与文字 +期中考试</p>	<p>- Dạy học thuyết trình có minh họa: trình bày về đặc điểm dân số, dân tộc của Trung Quốc và văn tự tiếng Hán; chiếu video, các hình ảnh minh họa về các dân tộc của Trung Quốc, trang phục đặc trưng của từng dân tộc; - Dạy học thảo luận nhóm: sinh viên thảo luận theo nhóm phân tích nguyên nhân dẫn đến tình trạng dân số đông; tình trạng già hoá dân số của Trung Quốc</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>- Trình bày được đặc điểm dân số, dân tộc và văn tự tiếng Hán; - Phân tích được nguyên nhân và các biện pháp giải quyết các vấn đề dân số, dân tộc của Trung Quốc.</p>
05 tiết	<p>第五课: 中国的经济</p> <p>1. 前进历程 2. 经济成就 3. 改革开放</p>	<p>- Dạy học thuyết trình về tiến trình phát triển của kinh tế Trung Quốc sử dụng slide trình chiếu; - Sử dụng phương pháp mảnh ghép: sinh viên làm việc theo nhóm thảo luận về thành tựu của nền kinh tế Trung Quốc, quá trình cải cách mở cửa của Trung Quốc (chia 2 vòng). Kết quả thảo luận: các nhóm trình bày nội dung đã tiếp thu bằng sơ đồ tư duy để trình bày trước lớp. Giảng viên đánh giá nhận xét sản phẩm của các nhóm, tổng kết và đưa ra kết luận bài học.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, bài tập trên lớp, bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>-Trình bày được những thành tựu đạt được và các phát minh nổi tiếng về khoa học kỹ thuật của Trung Quốc; -Trình bày những thành tựu, phân tích những hạn chế từ khi đất nước Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa. 4</p>

<p>03 tiết</p>	<p>第六课: 中国的科学技术 1. 古代科技 2. 四大发明 3. 当代科技</p>	<p>- Dạy học thuyết trình về vấn đề khoa học kỹ thuật của Trung Quốc; - Dạy học làm việc nhóm: chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một phát minh của Trung Quốc, sơ đồ hoá và cử đại diện trình bày. Giảng viên đánh giá, nhận xét. - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>Trình bày được những thành tựu đạt được và các phát minh nổi tiếng về khoa học kỹ thuật của Trung Quốc; Phân tích những hạn chế từ khi đất nước Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa.</p>
<p>05 tiết</p>	<p>第七课: 中国的传统思想 1. 儒家思想 2. 道家、法家等 3. 儒家在国外</p>	<p>- Dạy học thuyết trình về các tư tưởng truyền thống của Trung Quốc (sử dụng slide trình chiếu); - Dạy học làm việc nhóm: yêu cầu sinh viên thảo luận về các tư tưởng của các trường phái tư tưởng truyền thống của Trung Quốc, giải thích một số câu nói nổi tiếng của các nhà tư tưởng Trung Quốc; - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>- Trình bày được sự hình thành, phát triển và nội dung của các trường phái tư tưởng truyền thống của Trung Quốc; Phân tích ảnh hưởng của các trường phái tư tưởng truyền thống đến xã hội và con người Trung Quốc.</p>
<p>04 tiết</p>	<p>第八课: 中国的艺术 1. 书法·绘画 2. 音乐·舞蹈 3. 戏剧·电影 4. 曲艺·杂技</p>	<p>- Dạy học thuyết trình có minh hoạ bằng hình ảnh, video về hội hoạ, thư pháp, âm nhạc, kịch, điện ảnh, xiếc... của Trung Quốc; - Dạy học thảo luận nhóm: yêu cầu sinh viên làm việc theo nhóm, mỗi nhóm sẽ trình bày về 1 loại hình nghệ thuật của Trung Quốc, có sử dụng slide trình chiếu (trình bày ca khúc yêu thích, giới thiệu về kinh kịch, giới thiệu về điện ảnh Trung Quốc, các bộ phim hay, các diễn viên nổi tiếng, các ca sĩ nổi tiếng...). Giảng viên nhận xét, đánh giá.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>Trình bày được đặc điểm của thư pháp, hội họa, âm nhạc, điện ảnh... của Trung Quốc; Phân tích ảnh hưởng của văn hóa nghệ thuật Trung Quốc đến Việt Nam</p>

<p>05 tiết</p>	<p>第九课: 中国的习俗 1. 婚姻家 2. 节庆假日</p>	<p>- Dạy học bằng phương pháp hội thảo về vấn đề hôn nhân, gia đình của Trung Quốc; - Dạy học thảo luận nhóm bằng phương pháp khăn trải bàn: yêu cầu mỗi sinh viên ghi ra giấy những hiểu biết của mình về các ngày lễ tết của Trung Quốc, nhóm trưởng điều hành nhóm thảo luận và ghi ra kết quả thống nhất chung của nhóm, ghim lên bảng; đại diện nhóm lên trình bày. Giảng viên đánh giá nhận xét sản phẩm của nhóm, tổng kết và đưa ra kết luận bài học.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>Trình bày được các phong tục tập quán của người Trung Quốc trong các ngày lễ truyền thống; So sánh và phân tích ảnh hưởng của các phong tục tập quán của Trung Quốc đến Việt Nam</p>
<p>03 tiết</p>	<p>第十课: 中国的旅游 1. 旅游资源 2. 旅游事业 3. 名城选介</p>	<p>- Dạy học thuyết trình có minh họa: trình bày về tài nguyên du lịch, ngành du lịch của Trung Quốc; - Dạy học thảo luận nhóm: yêu cầu mỗi nhóm sinh viên tìm hiểu và trình bày về một điểm du lịch, danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc (làm slide trình chiếu); - Phương pháp chốt kiến thức bằng câu đố: sinh viên làm các bài tập trắc nghiệm nhanh liên quan đến nội dung bài học.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX: Kiểm tra kiến thức của sinh viên thông qua các câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm</p>	<p>Trình bày được đặc điểm của các điểm du lịch nổi tiếng của Trung Quốc; Thuyết trình lưu loát một trong những điểm du lịch nổi tiếng của Trung Quốc</p>

7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra								
			a1	a2	a3	b1	b2	c1	c2	c3	c4
Quá trình	ĐG1.TN+ TL	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	ĐG2. TN+TL	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<i>Tổng cộng:</i>		100%									

8. Hoạt động đánh giá

8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: **a1, a2,a3,b1,b2,c1,c2** Tỷ lệ: **25%** điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm +TL
- Mô tả bài đánh giá 1: Đánh giá kiến thức về đất nước học Trung quốc (Bài1 đến Bài 5)

8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: **a1, a2, a3,b1,b3,c3,c4** Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm +TL
- Mô tả bài đánh giá 2: Đánh giá khả năng ứng dụng kiến thức về đất nước học Trung quốc vào giao tiếp (từ bài 6 đến bài 10)

8.3.Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm +TL
- Mục đích:
 - o Đánh giá năng lực ghi nhớ từ kiến thức về đất nước học trung Quốc.
 - o Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức về đất nước học Trung Quốc đã học vào giao tiếp thông thường ở cấp độ HSK 4
 - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập
- Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 10

Chuẩn đầu ra: a1;a2;a3;b1;b2; c1; c2; c3; c4

8.4. Ma trận đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a: Có kiến thức về hệ thống ngữ âm tiếng Hán, phát âm chuẩn các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu; Nắm vững và vận dụng thành thạo các hiện tượng biến âm trong tiếng Hán.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
a2: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản văn tự tiếng Hán để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành; Có năng lực chuyên môn để ứng phó, giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu viên,... có liên quan đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc hoặc tham gia học tập ở bậc	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
cao hơn.					
a3: Biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	Sử dụng tốt	Sử dụng khá tốt	Sử dụng ở mức trung bình	Sử dụng ở mức hạn chế	Sử dụng ở mức rất hạn chế
b1: Phát âm chuẩn tiếng Trung Quốc và viết chuẩn các chữ Hán.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b3: Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
đề bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.					

8.5 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập chung của học phần được đánh giá theo công thức sau:

$$\Sigma = \frac{\text{ĐG1} \times 25 + \text{ĐG2} \times 25 + \text{ĐG3} \times 50}{100}$$

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):

Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:

+ bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa

+ projector

+ Loa, Đài cassette

+ Lớp học không quá 35 sinh viên

Yêu cầu đối với sinh viên:

+ Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.

+ Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

+ Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).

+ Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học

+ Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia xây dựng bài

+ Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ

+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Chú ý an toàn lớp học. An toàn PCCC và cứu hộ cứu nạn

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày ... tháng năm 2023
Người biên soạn

TS. Trần Thị Ngọc Liên

Tổ Tiếng Trung